

Số **701** /QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày **27** tháng **5** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Chuyên



CHƯƠNG TRÌNH

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2015

(Theo Quyết định số 701/QĐ-LĐTBXH ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. Mục tiêu, yêu cầu của THTK, CLP

1. Mục tiêu

Mục tiêu của THTK, CLP năm 2015 là tạo bước đột phá quan trọng trong chống lãng phí và thực hành tiết kiệm, góp phần tích cực bổ sung nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Yêu cầu

- Đẩy mạnh việc thực hiện chống lãng phí trong năm 2015, thông qua thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi là THTK, CLP) là trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu để tạo chuyển biến tích cực trong chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

- THTK, CLP phải bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, không để ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

- THTK, CLP phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi lúc, mọi nơi.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

- THTK, CLP trong việc xây dựng và ban hành các chính sách.

+ Không ban hành các chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước khi chưa có nguồn bảo đảm.

+ Xây dựng kịp thời hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công góp phần thực hiện Luật THTK, CLP. Trên cơ sở đó, các đơn vị tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh thực hiện công tác xây dựng chính sách làm cơ sở THTK, CLP; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THTK, CLP và các văn bản hướng dẫn thi hành; tiếp tục triển khai công tác cải cách hành chính.

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản

lý, sử dụng, kiểm soát chi, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước; chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, quyết toán... theo quy định.

+ Thực hiện đầy đủ và đồng bộ các cơ chế quản lý tài chính theo chế độ quy định về: khoán biên chế, chế độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu, đặc biệt là thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

II. Một số chỉ tiêu cụ thể

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

Năm 2015, tiếp tục thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Trong đó, tập trung các nhiệm vụ như sau:

- Tiết kiệm tối thiểu 12% chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác; tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm; sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí.

- Tiết kiệm tối thiểu 15% chi đoàn ra, đoàn vào. Không bố trí chi đoàn ra trong chi thường xuyên các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào đúng người, đúng mục đích và căn cứ trên dự toán và danh mục đoàn ra, đoàn vào được phê duyệt từ đầu năm của mỗi cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Hạn chế tối đa các đoàn đi công tác nước ngoài bổ sung không theo dự toán, danh mục từ đầu năm; chỉ tiến hành bổ sung khi có nhiệm vụ đột xuất, đặc biệt cần thiết.

- Không đề xuất, phê duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung trùng lặp, không khả thi. Thực hiện cơ chế khoán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở định mức nghiên cứu khoa học, công nghệ và kết quả đầu ra.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư, mua sắm, sửa chữa từ ngân sách nhà nước

2.1. Đầu tư

- Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư; tiến hành rà soát, cắt giảm 100% các dự án không nằm trong quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cắt giảm, tạm dừng các hạng mục công trình chưa thực sự cần thiết hoặc hiệu quả đầu tư thấp.

- Chống lãng phí, nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án để phấn đấu tiết kiệm từ 10% đến 15% tổng mức đầu tư.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước.

- Không tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng cơ bản, trừ các công trình quan trọng quốc gia; công trình có giá trị

lớn, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương.

- Xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản, tránh dây dưa kéo dài làm giảm hiệu quả sử dụng kinh phí.

2.2. Mua sắm, sửa chữa tài sản

Thực hiện sửa chữa, nâng cấp trụ sở phải trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

- Đất đai, trụ sở làm việc giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả và bảo đảm thực hành tiết kiệm.

- Phối hợp với các cơ quan có chức năng thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định.

- Thực hiện xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc đúng thời hạn theo quy định.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước

- Tập trung hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo đề án đã duyệt.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh hàng xuất khẩu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; đăng ký và thực hiện tiết giảm chi phí quản lý (từ 5% trở lên), phấn đấu thực hiện tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng.

5. Trong quản lý, sử dụng điện năng

Chống lãng phí, thực hiện giảm tổn thất điện cả năm xuống 8%, tiết kiệm điện tương đương 1,5% điện thương phẩm trong nước.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

- Thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Không tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2015. Đối với số biên chế giảm do nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, các đơn vị chỉ được bổ sung tối đa 50% số biên chế giảm.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị.

III. Giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm

1. Nâng cao nhận thức, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong THTK, CLP

- Xác định THTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên của từng đơn vị; tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về THTK, CLP.

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và trực thuộc Bộ tăng cường thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP trên các phương tiện thông tin đại chúng của Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt chú trọng cập nhật các văn bản về công tác THTK, CLP như: Luật THTK, CLP, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THTK, CLP, trong đó tập trung:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Tập trung rà soát các kế hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu định hướng, chủ trương đầu tư, tránh việc định hướng đầu tư và chủ trương đầu tư sai, dẫn đến các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp.

3. Thực hiện công khai, giám sát THTK, CLP

- Triển khai thực hiện các quy định về công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm ngân sách (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

- Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí.

4. Kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THTK, CLP

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến THTK, CLP quản lý, sử dụng kinh phí trong đó tập trung các nhiệm vụ sau:

- Quản lý, sử dụng nhà, đất.

- Các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia; Chương trình quốc gia: các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước.

- Mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại; trang thiết bị làm việc; trang thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ hoạt động của các cơ sở y tế do ngân sách nhà nước cấp kinh phí.

- Thủ trưởng các đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

- Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác kiểm tra, thủ trưởng đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Thủ trưởng các đơn vị

- Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP này, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng Chương trình THTK, CLP của đơn vị mình; chỉ đạo việc xây dựng Chương trình THTK, CLP của các cấp, các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Trong Chương trình THTK, CLP của mỗi cấp cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của cấp mình, ngành mình; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện ngay trong năm 2015 để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra.

- Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng Chương trình THTK, CLP năm 2015 của cơ quan, đơn vị mình và thực hiện theo dõi, tổng hợp báo cáo theo yêu cầu.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về THTK, CLP và việc thực hiện Chương trình THTK, CLP trong phạm vi quản lý.

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở THTK, CLP; thực hiện công khai trong THTK, CLP, đặc biệt là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.

2. Thời hạn và chế độ báo cáo

- Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình THTK, CLP theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Thời hạn nộp báo cáo: Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo định kỳ sáu tháng đầu năm trước ngày 05/7 hàng năm và Báo cáo THTK, CLP cả năm trước ngày 10/01 năm sau liền kề./.

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG Lãng PHÍ
Quý Năm.....

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu quý IV năm trước	Số liệu			Ghi chú
					Cộng	6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	10
1	TRONG QUAN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NSNN		-	-	-	-	-	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		-	-	-	-	-	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		-	-	-	-	-	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính		-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		-	-	-	-	-	
	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại		-	-	-	-	-	
	Kinh phí tiết kiệm được		-	-	-	-	-	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		-	-	-	-	-	
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3.4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
II	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NSNN, TIỀN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC		-	-	-	-	-	
1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án	-	-	-	-	-	
2	Số kinh phí tiết kiệm được		-	-	-	-	-	
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	-	-	-	-	-	
4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	-	-	-	-	-	
5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		-	-	-	-	-	
	Số lượng	dự án	-	-	-	-	-	
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
6	Các nội dung khác	triệu đồng	-	-	-	-	-	
III	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, NHÀ CÔNG VỤ CỦA CƠ QUAN SỬ DỤNG NSNN, CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ CÔNG CỘNG		-	-	-	-	-	
1	Trụ sở làm việc		-	-	-	-	-	
1.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	-	-	-	-	-	
1.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhân điều chuyển	m ²	-	-	-	-	-	
1.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, di chuyển, sắp xếp lại	m ²	-	-	-	-	-	
1.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	-	-	-	-	-	
1.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	-	-	-	-	-	

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu quý IV năm trước	Số liệu			Ghi chú
					Cộng	6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	10
1.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2	Nhà công vụ		-	-	-	-	-	
2.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	-	-	-	-	-	
2.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	-	-	-	-	-	
2.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	-	-	-	-	-	
2.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	-	-	-	-	-	
2.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	-	-	-	-	-	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng trụ sở	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		-	-	-	-	-	
3.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	-	-	-	-	-	
3.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	-	-	-	-	-	
3.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	-	-	-	-	-	
3.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	-	-	-	-	-	
3.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	-	-	-	-	-	
4	Tài sản khác		-	-	-	-	-	
4.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	-	-	-	-	-	
4.2	Số lượng tài sản được trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	-	-	-	-	-	
4.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	-	-	-	-	-	
5	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
IV	QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN		-	-	-	-	-	
1	Quản lý, sử dụng đất		-	-	-	-	-	
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²	-	-	-	-	-	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²	-	-	-	-	-	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác		-	-	-	-	-	
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	-	-	-	-	-	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được		-	-	-	-	-	
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	-	-	-	-	-	
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		-	-	-	-	-	
4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
V	TRỒNG ĐÀO TẠO, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ THỜI GIAN LAO ĐỘNG, CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG KHU VỰC NHÀ NƯỚC		-	-	-	-	-	
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ	-	-	-	-	-	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
3	Số lượng thủ tục hành chính không cần thiết đã cắt giảm	thủ tục	-	-	-	-	-	
4	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
VI	QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP		-	-	-	-	-	
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		-	-	-	-	-	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm điện	Kwh	-	-	-	-	-	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	-	-	-	-	-	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-	-	-	-	-	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2	Quản lý đầu tư xây dựng		-	-	-	-	-	
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	-	-	-	-	-	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	-	-	-	-	-	
2.3	Chi phí tiết kiệm được		-	-	-	-	-	
	Thăm dìm, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Thăm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	-	-	-	-	-	

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng cộng	Số liệu quý IV năm trước	Số liệu			Chi chú
					Cộng	6 tháng đầu năm	Năm	
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8	7	8	10
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		-	-	-	-	-	
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án	-	-	-	-	-	
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng	-	-	-	-	-	
2.5	Các nội dung khác		-	-	-	-	-	
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN		-	-	-	-	-	
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	-	-	-	-	-	
4	Mua sắm tài sản, phương tiện		-	-	-	-	-	
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		-	-	-	-	-	
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	-	-	-	-	-	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-	-	-	-	
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc	-	-	-	-	-	
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	-	-	-	-	-	
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-	-	-	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ		-	-	-	-	-	
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai tiêu chuẩn, sai chế độ	chiếc	-	-	-	-	-	
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
5	Nợ phải thu khó đòi		-	-	-	-	-	
	Số đầu kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
6	Vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	
	Số đầu năm	triệu đồng	-	-	-	-	-	
	Số cuối kỳ	triệu đồng	-	-	-	-	-	
VII	TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THANH TRA, KIỂM TRA GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ		-	-	-	-	-	
1	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THPTK, CLP đã triển khai, thực hiện	cuộc	-	-	-	-	-	
2	Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến THPTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	-	-	-	-	-	
3	Số lượng cơ quan, tổ chức được thanh tra, kiểm tra	đơn vị	-	-	-	-	-	
4	Số lượng cơ quan, tổ chức có lãng phí, vi phạm pháp luật về THPTK, CLP phát hiện được	đơn vị	-	-	-	-	-	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	-	-	-	-	-	
6	Giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	-	-	-	-	-	
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THPTK, CLP	người	-	-	-	-	-	
7.1	Xử lý hành chính, kỷ luật	người	-	-	-	-	-	
7.2	Xử lý hình sự	người	-	-	-	-	-	

Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt